

| Danh mục:<br>KHU ĐẤT, THỪA ĐẤT CHO THUÊ NGẮN HẠN<br>(Kèm theo Thông báo số 136 /TB-TTPTQĐ ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk) |                      |                                                                   |                                     |                |                           |                                            |                                              |                                         |                                                     |                                                                   |                      |                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------|---------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Stt/Mã nhóm                                                                                                                                                        | Địa chỉ              | Tên khu đất/ thửa đất                                             | Số thửa, tờ bản đồ                  | Diện tích (m2) | Thời hạn cho thuê (tháng) | Mục đích cho thuê                          | Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m2/năm) | Giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/tháng) | Giá khởi điểm thuê đất cho cả thời gian thuê (đồng) | Tiền đặt trước (đồng) = 20% x Giá khởi điểm cho cả thời gian thuê | Hình thức thanh toán | Vị trí khu đất (link google maps)                                                                                                                                   |
| 1                                                                                                                                                                  | 2                    | 3                                                                 | 4                                   | 5              | 6                         | 7                                          | 8                                            | 9=(5*8)/12 tháng                        | 10=9*6                                              | 11=20%*10                                                         | 12                   | 13                                                                                                                                                                  |
| A. NHÓM ĐẤT CHO THUÊ TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (08 khu)                                                                                                                   |                      |                                                                   |                                     |                |                           |                                            |                                              |                                         |                                                     |                                                                   |                      |                                                                                                                                                                     |
| 1                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Phú         | Khu đất ký hiệu A1 thuộc dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu ở mới Ea Pôk | Thửa đất số 37, 56 tờ bản đồ số 291 | 4.122,9        | 24                        | HNK                                        | 270                                          | 92.765                                  | 2.226.366                                           | 445.273                                                           | 01 năm/01 lần        | <a href="https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'13.7%22N+108%C2%B004'12.7%22E">https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'13.7%22N+108%C2%B004'12.7%22E</a> |
| 2                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Phú         | Khu đất ký hiệu A2 thuộc dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu ở mới Ea Pôk | Thửa đất số 54, 75 tờ bản đồ số 291 | 17.619,6       | 24                        | HNK                                        | 270                                          | 396.441                                 | 9.514.584                                           | 1.902.917                                                         |                      | <a href="https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'13.0%22N+108%C2%B004'18.1%22E">https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'13.0%22N+108%C2%B004'18.1%22E</a> |
| 3                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Phú         | Khu đất ký hiệu A3 thuộc dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu ở mới Ea Pôk | Thửa đất số 5, 8, tờ bản đồ số 205  | 5.820,0        | 24                        | HNK                                        | 270                                          | 130.950                                 | 3.142.800                                           | 628.560                                                           |                      | <a href="https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'02.2%22N+108%C2%B004'19.7%22E">https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'02.2%22N+108%C2%B004'19.7%22E</a> |
| 4                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Phú         | Khu đất ký hiệu B1 thuộc dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu ở mới Ea Pôk | Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 290    | 4.222,0        | 24                        | HNK                                        | 312                                          | 109.772                                 | 2.634.528                                           | 526.906                                                           |                      | <a href="https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'17.9%22N+108%C2%B004'09.7%22E">https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'17.9%22N+108%C2%B004'09.7%22E</a> |
| 5                                                                                                                                                                  | Xã Quảng Phú         | Khu đất ký hiệu B2 thuộc dự án: Hạ tầng kỹ thuật Khu ở mới Ea Pôk | Thửa đất số 572, tờ bản đồ số 191   | 7.965,0        | 24                        | HNK                                        | 312                                          | 207.090                                 | 4.970.160                                           | 994.032                                                           |                      | <a href="https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'10.4%22N+108%C2%B004'09.9%22E">https://www.google.com/maps/place/12%C2%B046'10.4%22N+108%C2%B004'09.9%22E</a> |
| 6                                                                                                                                                                  | Phường Buôn Ma Thuột | Khu đất quy hoạch cây xanh, công cộng KDC TDP 7                   | Thửa số 10, tờ bản đồ 115           | 2.804,7        | 12                        | HNK                                        | 2.040                                        | 476.799                                 | 5.721.588                                           | 1.144.318                                                         |                      | <a href="https://www.google.com/maps/place/12%C2%B042'39.7%22N+108%C2%B003'51.9%22E">https://www.google.com/maps/place/12%C2%B042'39.7%22N+108%C2%B003'51.9%22E</a> |
| B. NHÓM ĐẤT CHO THUÊ THUƠNG MẠI, DỊCH VỤ (05 khu)                                                                                                                  |                      |                                                                   |                                     |                |                           |                                            |                                              |                                         |                                                     |                                                                   |                      |                                                                                                                                                                     |
| 7                                                                                                                                                                  | Phường Tân An        | Khu đất Nhà ở xã hội                                              | Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 160   | 1.511,2        | 12                        | TMD                                        | 336.969                                      | 42.435.657                              | 509.227.884                                         | 101.845.577                                                       | 01 quý/01 lần        | <a href="https://www.google.com/maps/place/12%C2%B042'03.2%22N+108%C2%B004'03.8%22E">https://www.google.com/maps/place/12%C2%B042'03.2%22N+108%C2%B004'03.8%22E</a> |
| 8                                                                                                                                                                  | Phường Buôn Ma Thuột | Khu đất Hà Huy Tập                                                | Thửa đất số 171, tờ bản đồ 124      | 3.265,8        | 24                        | TMD                                        | 269.584                                      | 73.367.342                              | 1.760.816.200                                       | 352.163.240                                                       |                      | <a href="https://maps.app.goo.gl/27tATYzUZ3hjSLyo6">https://maps.app.goo.gl/27tATYzUZ3hjSLyo6</a>                                                                   |
| 9                                                                                                                                                                  | Phường Thành Nhất    | Khu đất Phan Bội Châu                                             | Thửa đất số 302, tờ bản đồ 217      | 6.720,4        | 12                        | TMD                                        | 135.638                                      | 75.961.710                              | 911.540.520                                         | 182.308.104                                                       |                      | <a href="https://maps.app.goo.gl/tmD9yxr5tjBXXP7S6">https://maps.app.goo.gl/tmD9yxr5tjBXXP7S6</a>                                                                   |
| 10                                                                                                                                                                 | Phường Thành Nhất    | Khu đất 30/4                                                      | Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 170    | 4.255,6        | 24                        | TMD                                        | 128.063                                      | 45.415.425                              | 1.089.970.200                                       | 217.994.040                                                       |                      | <a href="https://maps.app.goo.gl/AoVgpzyZCE3i2Xs67">https://maps.app.goo.gl/AoVgpzyZCE3i2Xs67</a>                                                                   |
| 11                                                                                                                                                                 | Phường Ea Kao        | Khu đất Lê Duẩn                                                   | Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 221   | 481,7          | 24                        | TMD                                        | 165.701                                      | 6.651.502                               | 159.636.048                                         | 31.927.210                                                        |                      | <a href="https://maps.app.goo.gl/TXcJvcESPSsr3nB2A">https://maps.app.goo.gl/TXcJvcESPSsr3nB2A</a>                                                                   |
| C. NHÓM ĐẤT CHO THUÊ SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH CÔNG CỘNG (01 khu)                                                                                                       |                      |                                                                   |                                     |                |                           |                                            |                                              |                                         |                                                     |                                                                   |                      |                                                                                                                                                                     |
| 12                                                                                                                                                                 | Phường Tân An        | Khu đất Nguyễn Hồng Ưng                                           | Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 244    | 2.513,8        | 12                        | Bãi đỗ xe, khu vui chơi giải trí công cộng | 78.751                                       | 16.497.109                              | 197.965.310                                         | 39.593.062                                                        | 01 quý/01 lần        | <a href="https://maps.app.goo.gl/tqLam86nKqgw7zsA8">https://maps.app.goo.gl/tqLam86nKqgw7zsA8</a>                                                                   |